

Bản án số: 44/2020/HS-ST
Ngày 17-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiền; Ông Phạm Đình Bông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thơm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2020/HSST ngày 15 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020, đối với:

- Bị cáo **Phan Văn T**, sinh năm 1972, tại tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn V (sinh năm 1926) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); vợ là Nguyễn Thị Q (sinh năm 1976) và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 08/7/2020, ngày 11/7/2020 chuyển sang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Nô - Có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn C – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Đắk Nông.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Q – Có mặt.

2. Ông Lê Viết T2 – Vắng mặt.

3. Anh Hồ Văn Đ – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23h ngày 07/7/2020, Phan Văn T đi từ Lâm Đồng về nhà mình tại Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Đắk Nông. Khi về đến nhà thấy điện trong nhà đã tắt, cửa chính khóa nên T đi vòng ra sau để vào nhà bằng cửa bếp. Sau đó T đi vào phòng ngủ thì thấy vợ T là bà Nguyễn Thị Q đang nằm ngủ cùng ông Nguyễn Văn C. Thấy vậy T lao vào ôm và vật lộn với ông C, bà Q bỏ chạy ra ngoài, sau khoảng 15 phút đến 20 phút thì T khống chế được ông C, quá trình vật lộn T lấy được 01 sợi dây dù màu trắng, dài 1,35m, T luồn dây vào tay phải của ông C sau đó buộc siết lại, rồi tiếp tục luồn dây vào cổ tay trái của ông C và buộc lại, tuy nhiên không siết 02 tay lại với nhau mà để chừa ra 01 đoạn dây dù dài khoảng 10cm giữa 02 tay, sau đó T kéo ông C ra ngoài phòng khách để ông C ngồi trên ghế sofa rồi tiếp tục lấy 01 sợi dây xích dài 2,8m một đầu buộc vào sợi dây dù trói ông C, một đầu quần vào nhún sau xe mô tô đang dựng tại phòng khách và dùng ổ khóa khóa lại. Sau đó T vào phòng ngủ lấy con dao nhọn ra và nói: “Tôi không đập chết, giết chết ông đâu” rồi T vào phòng nằm. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 08/7/2020 có ông Lê Viết T2 và một số người đến sân nhà T tìm ông C thì T cầm 01 con dao phát, ra đứng ở cổng và nói: “Ông C không có ở đây, tìm ông C thì về nhà ông C mà tìm”, rồi T tiếp tục vào giường nằm. Khoảng 03 giờ sáng ngày 08/7/2020 T cầm 01 con dao nhọn cán gỗ ra nói với ông C: “Tôi không đập chết, giết chết ông đâu” rồi hỏi ông C: “Việc ông ngủ với vợ tôi ông thấy đại chưa, bây giờ ông đền bù thiệt hại như thế nào?” thì ông C nói sẽ đền bù 50.000.000 đồng, sau đó T đưa giấy bút yêu cầu ông C viết giấy, ông C viết với nội dung: “Tôi với cô Nguyễn Thị Q tại gia đình anh Phan Văn T bắt gặp vào 22 giờ 38 phút, ông Nguyễn Văn C phải bồi thường cho gia đình anh T Q 50.000.000 đồng”. Sau khi vào phòng nằm được một lúc thấy việc ông C viết như vậy không chắc chắn nên T yêu cầu ông C viết lại với nội dung ông C nhận nợ T 50.000.000 đồng, hẹn trả ngày 07/7/2020. T giữ ông C đến khoảng 07 giờ ngày 08/7/2020 khi lực lượng Công an đến T mới cởi trói và thả ông C ra.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã thu giữ: 01 đoạn dây xích bằng kim loại dài 2,8m, bên trên có khóa nhãn hiệu Viettiep màu đen; sợi dây dù màu trắng dài 1,35m; 01 tua vít dài 26,5cm, phần thân và mũi dài 17cm, phần tay cầm bằng nhựa dài 9,5cm; 01 con dao phát lưỡi quắm dài 01m, cán gỗ dài

70cm, lưỡi bằng kim loại dài 30cm; 01 con dao bầu dài 28cm, cán gỗ dài 11cm, lưỡi bằng kim loại đầu nhọn dài 17cm; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát: 48F7-3791.

Cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 14/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố bị cáo Phan Văn T về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố.

Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô kết luận và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn T 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của 02 tội từ 04 năm 09 tháng đến 05 năm 06 tháng tù.

Đối với thương tích của ông Nguyễn Văn C trong quá trình vật lộn với T, do thương tích nhẹ, hiện nay đã hồi phục hoàn toàn, ông C có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý đối với thương tích trên nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu bồi thường nên không giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát: 48F7-3791 cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn C. Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn dây xích bằng kim loại; sợi dây dù màu trắng; 01 tua vít; 01 con dao phát lưỡi quắm; 01 con dao bầu.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng ông C tự nguyện viết giấy nợ bị cáo 50.000.000đ chứ bị cáo không hề ép buộc ông C viết như vậy. Bị cáo cho rằng mình không phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” như đại diện Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình

tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Không Nô đã truy tố, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Nhưng bị cáo cho rằng mình chỉ phạm tội «Bắt giữ người trái pháp luật» chứ không phạm tội «Cưỡng đoạt tài sản». Tuy nhiên, quá trình xét hỏi tại phiên tòa, thể hiện: Khoảng 23 giờ ngày 07/7/2020, Phan Văn T bắt gặp vợ là bà Nguyễn Thị Q cùng ông Nguyễn Văn C đang nằm ngủ trên giường trong nhà của T tại Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Đắk Nông. T đã có hành vi dùng dây dù trói hai tay và dùng dây xích cột tay ông Nguyễn Văn C vào 01 chiếc xe mô tô dựng trong phòng khách nhà T. Đến khoảng 03 giờ ngày 08/7/2020 T yêu cầu ông C viết giấy nhận nợ T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), hẹn ngày 07/7/2020 trả mặc dù ông C không nợ tiền của bị cáo. Sau khi ông C viết giấy nhận nợ, T tiếp tục giữ ông C đến khoảng 07 giờ ngày 08/7/2020 mới thả ông C ra. Như vậy, hành vi của bị cáo Phan Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự quy định: Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật

“1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự quy định: Tội cưỡng đoạt tài sản

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các T2 hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:...

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”

[4] Xét hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền tự do thân thể, quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, biết rõ hành vi bắt giữ và cưỡng đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần áp dụng đối với bị cáo hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với tội “Bắt giữ người trái pháp luật”: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc T2 hợp ít nghiêm trọng; phạm tội trong T2 hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị hại gây ra. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, e, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản”, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Do đó, bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không đề cập.

[8] Về biện pháp tư pháp:

Việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát: 48F7-3791 cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn C là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với 01 đoạn dây xích bằng kim loại; 01 sợi dây dù màu trắng; 01 tua vít; 01 con dao phát lưỡi quắm; 01 con dao bầu là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với thương tích của ông Nguyễn Văn C trong quá trình vật lộn với T, do thương tích nhẹ, ông C có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý đối với thương tích trên nên không xem xét.

[10]. Về án phí: Bị cáo Phan Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm các tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm e, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn T 06 (Sáu) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của 02 tội là 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 08/7/2020.

2. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát: 48F7-3791 cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn C.

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây xích bằng kim loại; 01 sợi dây dù màu trắng; 01 tua vít; 01 con dao phát lưỡi quắm; 01 con dao bầu. *(Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 14/10/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô).*

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Phan Văn T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Bộ phận HSNVCS-CA huyện Krông Nô;
- Cơ quan THAHS-CA huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hải Âu

